

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 304/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29/6/2020

V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thúy Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Yên;

Bà Nguyễn Thị Giang.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 10/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2020 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020.

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1982.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Gò P, xã Hợp T, huyện Hiệp H, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1971.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Đại B, xã Nguyên K, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Có mặt: Chị T.

Vắng mặt: Anh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2019 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyên K, huyện Đ, thành phố Hà Nội ngày 09/4/2003. Sau khi kết hôn, anh chị ở riêng và sống dưới sông làm nghề chạy cát sỏi. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, không xảy ra vấn đề gì. Đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vì anh L hay ghen tuông rồi đánh chửi, nhục mạ chị khiến chị không thể chịu đựng thêm nữa. Cũng trong thời điểm này, vào tháng 4 năm 2017 anh chị ly thân, không còn chung sống. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh L.

- **Về con chung:** Chị T, anh L có 01 con chung là cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 04/01/2004. Hiện tại cháu H đang ở cùng với chị T tại thôn Gò P, xã Hợp T, huyện Hiệp H, tỉnh Bắc Giang. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi cháu H và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản, công sức đóng góp, nợ chung:** Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị đã được Tòa án giải thích pháp luật về quyền lợi và nghĩa vụ của chị đối với vấn đề tài sản nhưng chị xác định vợ chồng tự thỏa thuận được với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong biên bản lấy lời khai ngày 27/02/2020, bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:*

- **Về quan hệ hôn nhân:** Vợ chồng anh chị kết hôn với nhau năm 2003 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyên K. Sau khi kết hôn, anh chị mua một chiếc thuyền vận tải chuyên chở cát sỏi Hà Nội – Bắc Giang và vợ chồng thường xuyên ở trên thuyền. Anh không có đất thổ cư nhưng có đăng ký hộ khẩu tại thôn Đại B, xã Nguyên K, huyện Đ, thành phố Hà Nội (Chung hộ khẩu với mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị L). Vợ chồng sống hạnh phúc được 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L nghi ngờ chị T có những mối quan hệ không trong sáng với người đàn ông khác. Tuy nhiên chị T không bao giờ thừa nhận về điều đó. Anh L có khuyên nhủ và nhắc nhở nhưng chị T không nghe. Anh chị đã sống ly thân được hơn 02 năm nay. Anh L đã nhiều lần nói chuyện với chị T và mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung nhưng chị T không đồng ý. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh không đồng ý vì anh xác định vẫn còn tình cảm với chị T.

- **Về con chung:** Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Trung H, sinh ngày 04/01/2004. Hiện tại cháu H đang ở cùng với mẹ là chị T. Nếu ly hôn, anh xác định có nghĩa vụ đối với cháu. Hiện tại anh đi làm thuê, thu nhập khoảng 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên đôi khi ốm đau phải sống nhờ vào anh em, mẹ già giúp đỡ.

- **Về tài sản, công sức đóng góp, nợ chung:** Anh L khai vợ chồng có 01 căn nhà ba gian, rộng khoảng 40m² đến 50m² được xây dựng vào năm 2014, 2015 anh không nhớ chính xác. Ngôi nhà này được xây trên đất của bố mẹ chị T cho riêng chị T tại thôn Gò P, xã Hợp T, huyện Hiệp H, tỉnh Bắc Giang. Trường hợp ly hôn, anh L yêu cầu Tòa án giải quyết chia cho anh ½ giá trị ngôi nhà. Anh L khai anh ốm yếu nên xin được Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

** Ông Trần Văn T – bố đẻ của nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày tại bản tự khai đề ngày 27/2/2020 (Có xác nhận của chính quyền địa phương) gửi Tòa án nhân dân huyện Đ như sau:*

Trong quá trình chung sống, chị T và anh L thường xảy ra ghen tuông, chửi bới và đánh đập nên chị T không chịu đựng được và làm đơn xin ly hôn. Anh chị xảy ra mâu thuẫn từ năm 2017 và đã ly thân. Vì là bố đẻ của chị T nên ông chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh L. Về con chung: Chị T, anh L có 01 con chung là cháu Nguyễn Trung H trú tại thôn Gò P, xã Hợp T, huyện Hiệp H, tỉnh Bắc Giang. Ly hôn, ông T đề nghị Tòa án giải quyết để chị T nuôi dưỡng con chung là cháu H. Về tài sản chung: Chị T, anh L không có tài sản chung. Mảnh đất hiện nay chị T đang ở tại thôn Gò P, xã Hợp T, huyện Hiệp H, tỉnh Bắc Giang là của ông cho riêng chị T. Vì vậy, anh L không có quyền gì ở mảnh đất này, quyền sử dụng đất là của chị T.

** Bà Nguyễn Thị L – mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn L trình bày tại biên bản xác minh ngày 11/3/2020 như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh L, chị T kết hôn năm 2003 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyên K. Sau khi kết hôn, anh chị sống chủ yếu ở nhà chị T tại thôn Gò P, xã Hợp T, huyện Hiệp H, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống, anh chị cũng hạnh phúc, đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L nghi ngờ chị T không chung thủy, từ đó dẫn đến vợ chồng hay cãi cọ, xô xát. Việc anh L có đánh đập chị T hay không thì bà L không biết. Sau một trận cãi cọ vào năm 2017 thì anh L về ở với bà tại thôn Đại B, xã Nguyên K, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Từ đó anh chị không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị T có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, quan điểm của bà là xác định vợ chồng anh chị có mâu thuẫn, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Anh L, chị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Trung H, sinh năm 2004. Hiện tại cháu H đang ở cùng với chị T ngoan ngoãn và sức khỏe bình thường. Nếu anh chị ly hôn, bà L đề nghị Tòa án để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và miễn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh L. Hiện tại anh L đau ốm triền miên, thu nhập bấp bênh, cuộc sống của anh L hiện tại đều do anh em, mẹ già chu cấp giúp đỡ.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị T, anh L có 01 ngôi nhà xây trên đất của bố mẹ để chị T cho tại thôn Gò P, Hợp T, Hiệp H, Bắc Giang. Anh chị giải quyết về tài sản như thế nào là do anh chị, bà L không can thiệp.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị T giữ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L. Về con chung: Chị T có nguyện vọng được nuôi con chung Nguyễn Trung H, sinh ngày 04/01/2004 và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung; Tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; Tòa án đã xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; Tòa án đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Phiên tòa diễn ra công khai, dân chủ, đề cập đến mọi vấn đề phải giải quyết trong vụ án.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai.

Về nội dung:

Đề nghị Tòa án tuyên :

- + Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.
- + Về con chung: Giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.
- + Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho anh L do chị T không yêu cầu.

Anh L có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- + Về án phí: Vụ án áp dụng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]**Về tố tụng:** Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh L có nơi cư trú tại địa huyện Đ, như vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục giải quyết vắng mặt bị đơn: Anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên anh L vắng mặt. Tại phiên tòa, anh L vắng mặt đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L.

[2]**Về nội dung vụ án:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 09/4/2003 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyên K, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh L ghen tuông và đánh đập vợ khiến cuộc hôn nhân trở nên bế tắc ngột ngạt. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm (từ năm 2017 cho đến nay), không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Việc hàn gắn tình cảm vợ chồng là khó, không thể thực hiện được. Anh L khai vẫn còn tình cảm với chị T, tuy nhiên hành động của anh không thể hiện điều đó (không hỏi han, không chăm sóc), thậm chí anh còn nhiều lần làm cho mâu thuẫn vợ chồng thêm trầm trọng như chửi mắng, đánh đập chị T.

Đại diện của hai bên gia đình chị T và anh L là bố đẻ chị T và mẹ đẻ anh L cũng khẳng định anh chị có nhiều mâu thuẫn không thể hóa giải và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị T. Xác minh tại chính quyền địa phương cũng thể hiện anh chị mâu thuẫn ly thân nhiều năm. Trước khi kết hôn với chị T, anh L đã từng có một đời vợ và anh L cũng hay đánh đập, ghen tuông nên vợ cũ anh L cũng đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Trung H, sinh ngày 04/01/2004. Từ nhỏ đến nay cháu H ở với chị T tại Gò P, Hợp T, Hiệp H, Bắc Giang. Cháu H có nguyện vọng được ở với mẹ. Anh L chỉ xác định có nghĩa vụ với con chung nhưng không có yêu cầu được nuôi con chung do điều kiện kinh tế khó khăn và bệnh tật. Do vậy, căn cứ nguyện vọng của con chung cũng như điều kiện và yêu cầu

của các đương sự, giao cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 04/01/2004 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho anh L do chị T không yêu cầu cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh L có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung:

Chị T xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Anh L đề nghị được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị ngôi nhà được xây dựng trên thửa đất của ông T là bố đẻ chị T tặng cho riêng chị. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đ đã giải thích quyền và nghĩa vụ của đương sự về chia tài sản chung vợ chồng trong thời kì hôn nhân, nghĩa vụ cung cấp chứng cứ tài liệu và nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí chia tài sản. Anh L đã được tổng đạt trực tiếp Thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ tài liệu và Thông báo về nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí nhưng anh không thực hiện nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, coi như anh L đã từ chối quyền yêu cầu của mình. Do vậy, Tòa án không xem xét yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của anh L. Anh L có quyền khởi yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng bằng một vụ án khác.

[3]*Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4]*Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 56; Điều 81, Điều 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình.
- Khoản 1 Điều 28, 35, 39; Điều 203, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 04/01/2004 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho anh L do chị T không yêu cầu cho đến khi có thay đổi khác.

Anh L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.
Về tài sản chung: Nguyên đơn chị T không yêu cầu nên không giải quyết.

Bị đơn anh L không nộp chứng cứ, tài liệu để chứng minh cho yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng và từ chối nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí chia tài sản nên không xem xét giải quyết yêu cầu của anh L về tài sản chung.

Dành quyền khởi kiện về tranh chấp tài sản chung sau ly hôn cho chị T, anh L bằng vụ án khác nếu anh chị có yêu cầu.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Ghi nhận chị T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2018/ 0015298 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ nay chuyển thành án phí. Chị T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- TAND thành phố Hà Nội
- VKSND thành phố Hà Nội
- VKSND quận huyện Đ;
- Ủy ban nhân dân xã Nguyễn K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Thúy Hà

